

Số: 887/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 05 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện
cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc phạm vi chức năng
quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Điện Biên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Điện Biên (có Danh mục cụ thể kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Danh mục thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này có trách nhiệm:

- Tổ chức triển khai thực hiện theo ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền và đề ra giải pháp cụ thể để thực hiện hiệu

quả việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến, đảm bảo số lượng giao dịch phát sinh đạt tỷ lệ theo quy định;

- Chủ động rà soát, tham mưu đề xuất, kiến nghị các bộ, ngành sửa đổi, bổ sung phù hợp quy định và yêu cầu thực tiễn nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện tái cấu trúc quy trình điện tử và cấu hình quy trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với các thủ tục hành chính được công bố kèm theo Quyết định này trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT_(NTVA)



Lê Thành Đô

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH ĐIỆN BIÊN
(Kèm theo Quyết định số **887**/QĐ-UBND ngày **05** tháng **5** năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)



STT	MÃ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	ĐỊA ĐIỂM TIẾP NHẬN HỒ SƠ	PHÍ, LỆ PHÍ	
				Có	Không
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (77TTHC)				
I	Lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ				
1	2.002724.000.00.00.H18	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ		x
2	2.002723.000.00.00.H18	Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước			x
3	2.002722.000.00.00.H18	Thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước			x
4	2.002711.000.00.00.H18	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước			x
5	2.002710.000.00.00.H18	Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước			x
6	2.002709.000.00.00.H18	Thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước			x
7	1.012353.000.00.00.H18	Thủ tục xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)			x
8	3.000259.000.00.00.H18	Thủ tục đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam			x
9	1.011816.000.00.00.H18	(Cấp tỉnh) Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực			x
10	1.011815.000.00.00.H18	(Cấp tỉnh) Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến			x

11	1.011814.000.00.00.H18	(Cấp tỉnh) Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ		X
12	1.011812.000.00.00.H18	(Cấp tỉnh) Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu			X
13	1.011819.000.00.00.H18	Thủ tục đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương			X
14	1.011820.000.00.00.H18	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước (cấp tỉnh)			X
15	1.011818.000.00.00.H18	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương			X
16	2.001525.000.00.00.H18	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ			X
17	2.002278.000.00.00.H18	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (cấp tỉnh)			X
18	2.002548.000.00.00.H18	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)			X
19	2.002546.000.00.00.H18	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)			X
20	2.002544.000.00.00.H18	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)			X
21	2.002144.000.00.00.H18	Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người		X	

22	1.006427.000.00.00.H18	Thủ tục đánh giá, xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ		x
23	1.008379.000.00.00.H18	Thủ tục xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác (Cấp Tỉnh)			x
24	1.008377.000.00.00.H18	Thủ tục xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ đối với cá nhân có thành tích vượt trội trong hoạt động khoa học và công nghệ (Cấp Tỉnh)			x
25	2.001179.000.00.00.H18	Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ			x
26	2.001643.000.00.00.H18	Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ			x
27	2.001143.000.00.00.H18	Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ			x
28	1.002690.000.00.00.H18	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ			x
29	2.001137.000.00.00.H18	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ			x
30	2.002249.000.00.00.H18	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)		x	
31	2.002248.000.00.00.H18	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)		x	
32	2.000079.000.00.00.H18	Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người		x	
33	1.001747.000.00.00.H18	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)		x	
34	1.001677.000.00.00.H18	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ		x	

35	1.001770.000.00.00.H18	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ	x	
36	1.001693.000.00.00.H18	Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ		x	
37	1.001786.000.00.00.H18	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)		x	
38	1.001716.000.00.00.H18	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ		x	
39	2.002709.000.00.00.H18	Thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước			x
40	2.002710.000.00.00.H18	Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước			x
41	2.002711.000.00.00.H18	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước			x
II	Lĩnh vực An toàn bức xạ và hạt nhân				
1	2.002382.000.00.00.H18	Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ		x
2	2.002385.000.00.00.H18	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế			x
3	2.002381.000.00.00.H18	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế		x	
4	2.002384.000.00.00.H18	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế			x
5	2.002380.000.00.00.H18	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế		x	
6	2.002379.000.00.00.H18	Thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)		x	
7	2.002383.000.00.00.H18	Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế			x

III Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ					
1	1.011939.000.00.00.H18	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ		x
2	1.011938.000.00.00.H18	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)			x
3	1.011937.000.00.00.H18	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)		x	
4	1.009.918	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Chỉ dẫn địa lý “Điện Biên”			x
5	1.009.923	Thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng Chỉ dẫn địa lý “Điện Biên”			x
6	1.009.919	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận quyền sử dụng Chỉ dẫn địa lý “Điện Biên”			x
7	1.009.921	Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng Chỉ dẫn địa lý “Điện Biên”			x
8	1.009.922	Thủ tục gia hạn hiệu lực Giấy chứng nhận quyền sử dụng Chỉ dẫn địa lý “Điện Biên”			x
IV Lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng					
1	2.001269.000.00.00.H18	Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ		x
2	2.001277.000.00.00.H18	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành		x	
3	2.001207.000.00.00.H18	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh		x	
4	2.001209.000.00.00.H18	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận		x	
5	1.000449.000.00.00.H18	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng			x
6	2.001100.000.00.00.H18	Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định (cấp tỉnh)			x
7	1.001392.000.00.00.H18	Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu (cấp tỉnh)			x
8	2.001259.000.00.00.H18	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu			x

9	2.001501.000.00.00.H18	Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp (cấp tỉnh)	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ		x
10	2.002253.000.00.00.H18	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân			x
11	2.000212.000.00.00.H18	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng			x
12	2.001208.000.00.00.H18	Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận (cấp tỉnh)			x
V	Lĩnh vực Bưu chính				
1	1.003659.000.00.00.H18	Cấp giấy phép bưu chính (cấp tỉnh)	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ	x	
2	1.004379.000.00.00.H18	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (cấp tỉnh)		x	
3	1.003633.000.00.00.H18	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn (cấp tỉnh)		x	
4	1.005442.000.00.00.H18	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (cấp tỉnh)		x	
5	1.010902.000.00.00.H18	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (cấp Tỉnh)			x
6	1.003687.000.00.00.H18	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính (cấp tỉnh)		x	
7	1.004470.000.00.00.H18	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (cấp tỉnh)		x	
VI	Lĩnh vực Lâm nghiệp, trồng trọt				
1	1.012074.000.00.00.H18	Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ		x
2	1.012075.000.00.00.H18	Quyết định cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng giống cây trồng được bảo hộ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước			x
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN (03 TTHC)				

I	Lĩnh vực Hoạt động Khoa học và Công nghệ				
1	2.002722.000.00.00.H18	Thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện		x
2	2.002723.000.00.00.H18	Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước			x
3	2.002724.000.00.00.H18	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước			x